



TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC THỂ CHẾ VỀ QUYỀN SỬ DỤNG RỪNG Ở VIỆT NAM: THỰC TRẠNG, KHOẢNG TRỐNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

Yurdi Yasmi, Toon De Bruyn, Lê Văn Cường và Vũ Tấn Phương

© FAO - Kenichi Shono

THÔNG ĐIỆP CHÍNH

- Các cơ quan Nhà nước, các chương trình/dự án và các tổ chức xã hội dân sự có năng lực để hỗ trợ cải thiện quyền sử dụng rừng song chưa đầy đủ. Những khoảng trống chính về năng lực có liên quan đến quản lý xung đột và khiếu nại, ứng phó với biến đổi khí hậu và các tình huống khẩn cấp, và quản trị khu vực tư nhân. Các tổ chức này cần tiếp tục cải thiện năng lực của mình nhằm đảm bảo cải cách thành công quyền sử dụng rừng.
- Các chương trình, bao gồm các dự án liên quan đến quyền sử dụng rừng, có năng lực tốt hơn so với các cơ quan Nhà nước và các tổ chức xã hội dân sự (ví dụ như các tổ chức phi chính phủ và tổ chức nghiên cứu khoa học) vì họ có thể cung cấp những hỗ trợ trực tiếp ở các cấp địa phương để cải thiện sinh kế và thu nhập cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng. Họ cũng có phương thức làm việc linh hoạt hơn, cho phép họ phản ứng một cách nhanh chóng và kịp thời. Tuy nhiên về lâu dài, có mối quan ngại về tính bền vững và tiềm năng nhân rộng đối với các hoạt động và mô hình của chương trình.
- Có nhiều cơ hội cho Chính phủ nhằm thúc đẩy đối thoại nhiều hơn giữa các ngành, các cấp và các bên liên quan nhằm tăng cường sự phối hợp và hiệu quả tăng cường quyền sử dụng rừng. Chủ đề của đối thoại nên bao gồm những cuộc thảo luận về các mô hình đa dạng về thỏa thuận quyền sử dụng rừng thay thế như giao đất, giao rừng cho cộng đồng, thành lập hợp tác xã và chuyển đổi một số diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất.

GIỚI THIỆU

Quyền sử dụng rừng (QSDR) rõ ràng và đảm bảo là một điều kiện cần thiết để cải thiện thu nhập và sinh kế cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng. Tuy nhiên, QSDR ở Việt Nam còn hạn chế và chưa rõ ràng. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi tích cực trong các chính sách và thể chế. Bất kỳ sự thay đổi nào về chính sách hoặc thể chế về QSDR phải được xây dựng dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về thực trạng QSDR. Tăng cường khung chính sách về QSDR là một trụ cột rất quan trọng trong cải cách QSDR, tuy nhiên việc cải thiện các chính sách một cách riêng lẻ là chưa đủ để đảm bảo cải thiện đời sống và thu nhập của người dân sống phụ thuộc vào rừng. Theo đó, trụ cột thứ hai hết sức cần thiết là xây dựng năng lực thể chế và tổ chức có đủ năng lực về QSDR ở tất cả các cấp (Gilmour 2016; Larson và Dahal 2012; Sikor và cs. 2013; Yasmi và cs. 2010). Bản tin chính sách này trình bày những kết quả chính của hoạt động đánh giá năng lực thể chế về QSDR ở cấp quốc gia.

Đánh giá nhu cầu xây dựng năng lực được thực hiện với 26 tổ chức, đơn vị ở cấp quốc gia và được thực hiện từ tháng 2 năm 2015 đến tháng 5 năm 2016. Mục đích chính của đánh giá này gồm:

1. Đánh giá thực trạng và khoảng trống năng lực thể chế liên quan đến QSDR.
2. Đề xuất các khuyến nghị chính để tăng cường năng lực thể chế nhằm hỗ trợ cải thiện QSDR.



©FAO - Yurdi Yasmi

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHU CẦU XÂY DỰNG NĂNG LỰC

Đánh giá được thực hiện theo ba bước. Thứ nhất, lập bản đồ thể chế được tiến hành để xác định các tổ chức có liên quan tham gia vào cải thiện QSDR. Thứ hai là đánh giá 26 tổ chức, đơn vị được lựa chọn (12 cơ quan nhà nước, 7 dự án và chương trình, 7 tổ chức xã hội dân sự như các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nghiên cứu) về năng lực của họ trong thực hiện cải thiện

QSDR. Thứ ba, phân tích thông tin và dữ liệu để xác định thực trạng và khoảng trống của các tổ chức, đơn vị được đánh giá. Khung đánh giá (xem Bảng 1) được xây dựng và tuân theo Hướng dẫn tự nguyện về quản trị có trách nhiệm quyền sử dụng đất đai, ngư nghiệp và lâm nghiệp (VGGT) (FAO 2012), trong đó bao gồm 8 chủ đề.



©FAO - Toon DeBruyn

Bảng 1: Khung đánh giá nhu cầu xây dựng năng lực

1	Năng lực hỗ trợ tăng cường QSDR
1.1	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ việc giao và đăng ký các quyền/nghĩa vụ sử dụng rừng cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng.
1.2	Các tổ chức hoặc chương trình hợp tác với các bên liên quan thực hiện các quyền/nghĩa vụ sử dụng rừng (thiết kế, phối hợp, tham gia vào diễn đàn nhiều bên liên quan).
1.3	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ giao rừng và đăng ký các quyền ở mức độ phù hợp nhất với chức năng và nhiệm vụ.
2	Năng lực thiết kế tiến trình tăng cường QSDR
2.1	Các tổ chức hoặc chương trình liên quan đến việc thiết kế các hoạt động tăng cường QSDR ở cấp quốc gia.
2.2	Các tổ chức hoặc chương trình liên quan đến sự tham vấn các bên liên quan về QSDR.
2.3	Các tổ chức hoặc chương trình xây dựng quy trình toàn diện, minh bạch và có sự tham gia cho việc thực hiện các hoạt động/chương trình tăng cường QSDR.
3	Năng lực thực hiện các hoạt động tăng cường QSDR
3.1	Các tổ chức hoặc chương trình thúc đẩy các hoạt động liên quan đến tăng cường QSDR.
3.2	Các tổ chức hoặc chương trình tham vấn, kết nối và vận động để tăng cường QSDR.
3.3	Các tổ chức hoặc chương trình huy động các nguồn lực hỗ trợ thực hiện các hoạt động nhằm tăng cường QSDR.
3.4	Các tổ chức hoặc chương trình thực hiện xây dựng năng lực về tăng cường QSDR.
4	Năng lực hỗ trợ các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng nhằm tăng cường các quyền của cộng đồng
4.1	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ người dân địa phương và người dân bản địa trong việc thực hiện các QSDR của họ như thông tin, năng lực, kinh phí, vv.
4.2	Các tổ chức hoặc chương trình xây dựng các phương án sinh kế từ các quyền mới đạt được của người dân địa phương và người dân bản địa.
5	Năng lực giải quyết xung đột và khiếu nại
5.1	Các tổ chức hoặc chương trình cung cấp sự tiếp cận cơ chế quản lý xung đột.
5.2	Các tổ chức hoặc chương trình thực hiện phân tích các xung đột QSDR.
5.3	Các tổ chức hoặc chương trình thúc đẩy đàm phán hoặc hòa giải liên quan đến những xung đột QSDR.
6	Năng lực giám sát vai trò và trách nhiệm giải trình của các chủ thể ngoài nhà nước bao gồm các doanh nghiệp kinh doanh
6.1	Các tổ chức hoặc chương trình thúc đẩy đầu tư bền vững trong ngành lâm nghiệp.
6.2	Các tổ chức hoặc chương trình bảo vệ QSDR của cộng đồng khỏi sự lạm dụng của các tác nhân bên ngoài.
6.3	Các tổ chức hoặc chương trình xây dựng quan hệ đối tác giữa cộng đồng và các chủ thể ngoài nhà nước.
7	Năng lực giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp
7.1	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ quá trình làm rõ quyền sử dụng các bon từ rừng.
7.2	Các tổ chức hoặc chương trình thực hiện các hoạt động lập kế hoạch thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, các hoạt động nâng cao khả năng phục hồi và thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng cường QSDR có tích hợp yếu tố biến đổi khí hậu.
8	Năng lực hỗ trợ sinh kế của các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng
8.1	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ tiếp cận và thực hiện các quyền sử dụng nguồn tài nguyên rừng của các cộng đồng nhằm sử dụng và kinh doanh rừng bền vững.
8.2	Các tổ chức hoặc chương trình hỗ trợ các cộng đồng phụ thuộc vào rừng có cơ hội tiếp cận và tăng cường tiếp cận thị trường cho các sản phẩm và dịch vụ của họ.
8.3	Các tổ chức hoặc chương trình chú trọng các hoạt động kinh tế để cải thiện sinh kế và thu nhập cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng.



© FAO RAP

BỐI CẢNH THỂ CHẾ VỀ QSDR

Hai mươi sáu (26) tổ chức, đơn vị tham gia khảo sát được chia thành ba nhóm: (i) các cơ quan Nhà nước, (ii) các chương trình, bao gồm cả các dự án, và (iii) các tổ chức xã hội dân sự, chẳng hạn như các tổ chức phi chính phủ và nghiên cứu khoa học.

Các cơ quan Nhà nước

Nhóm này có chức năng chính là chuẩn bị chính sách cũng như chỉ đạo, giám sát và đánh giá việc thực hiện các chính sách liên quan đến QSDR. Nhóm cũng có chức năng rà soát, thẩm định tính pháp lý của các chính sách được xây dựng và việc thực thi pháp luật. Nhiệm vụ của 12 tổ chức được đánh giá gồm:

- **Soạn thảo, thực hiện, giám sát và đánh giá:** Cục Kiểm lâm, Vụ Quản lý sản xuất lâm nghiệp, Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Phát triển rừng, Vụ Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế, Cục Đăng ký đất đai, Cục Quy hoạch đất đai và Cục Kinh tế và Phát triển quỹ đất;

- **Đánh giá pháp lý và thực thi pháp luật:** Vụ Pháp chế, Thanh tra thuộc Tổng cục Lâm nghiệp và Vụ Pháp chế thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Hai đơn vị này phối hợp với các đơn vị khác của Tổng cục Lâm nghiệp; và
- **QSDR trong bối cảnh biến đổi khí hậu:** Cục Khí tượng, Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học.

Các chương trình, dự án

Dựa trên sự ưu tiên của các bên liên quan được tư vấn, các chương trình, dự án hỗ trợ việc xác định, thực hiện và cải thiện QSDR cho các cộng đồng địa phương ở các cấp khác nhau được lựa chọn đánh giá bao gồm: Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng, giai đoạn 2011-2020; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3); Chương trình UN-REDD giai đoạn 2; Dự án Phát triển Lâm nghiệp ở Hòa Bình, Sơn La (Dự án KfW7); Dự án Carbi của Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Thế giới; và Dự án thúc đẩy trang trại và rừng (FFF) của Hội Nông dân Việt Nam.

Các tổ chức xã hội dân sự (XHDS)

Bảy (7) tổ chức XHDS thực hiện một loạt các hoạt động liên quan đến cải thiện QSDR cho cộng đồng được lựa chọn đánh giá. Những hoạt động này bao gồm nghiên cứu khoa học và nghiên cứu trường hợp, phát triển các mô hình thí điểm thực hiện REDD+, xây dựng năng lực, tham vấn và nâng cao nhận thức. Các tổ chức gồm:

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển kiến thức bản địa (CIRD); Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường (C&E); Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển vùng cao (CERDA); Trung tâm Con người và Rừng (RECOFTC); Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature); Trung tâm Nông Lâm Thế giới (ICRAF); và Trường Đại học Lâm nghiệp.

NĂNG LỰC THỂ CHẾ VỀ QUYỀN QSDR: THỰC TRẠNG VÀ KHOẢNG TRỐNG

Những kết quả chính được trình bày trong Bảng 2 cho thấy năng lực về QSDR của các tổ chức được đánh giá tại Việt Nam nhìn chung đạt ở mức 'trung bình'.

Bảng 2: Tổng hợp kết quả đánh giá nhu cầu xây dựng năng lực (Kết quả điều tra năm 2015)

CHỦ ĐỀ	CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	CÁC CHƯƠNG TRÌNH	CÁC TỔ CHỨC XHDS
1. Năng lực hỗ trợ tăng cường QSDR	2,2	3,0	2,1
2. Năng lực thiết kế tiến trình tăng cường QSDR	2,7	2,6	1,9
3. Năng lực thực hiện các hoạt động tăng cường QSDR	1,7	2,5	2,0
4. Năng lực hỗ trợ các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng nhằm tăng cường các quyền của cộng đồng	1,7	2,6	2,0
5. Năng lực giải quyết xung đột và khiếu nại	1,6	2,1	1,7
6. Năng lực giám sát vai trò và trách nhiệm giải trình của các chủ thể ngoài nhà nước bao gồm các doanh nghiệp kinh doanh	1,6	2,3	1,7
7. Năng lực giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp	1,7	1,9	2,3
8. Năng lực hỗ trợ sinh kế của các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng	2,0	2,8	2,0
Điểm trung bình chung	1,9	2,5	2,0

Ghi chú: Mỗi tổ chức, đơn vị tham gia được đánh giá dựa trên các chủ đề bằng cách sử dụng điểm số tương đối: không có nhiệm vụ/không đánh giá được (-), yếu (0-1), trung bình (1-2), tốt (2-3) và rất tốt (3-4).

Kết quả đánh giá cho thấy nhu cầu và khả năng tăng cường năng lực về QSDR của các tổ chức là tương đối cao. Bên cạnh đó, phân tích cũng chỉ ra rằng năng lực hiện tại của các tổ chức chưa đủ để đảm bảo các kết quả mong đợi của cải cách QSDR như: Thu nhập và sinh kế của các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng được cải thiện. Những phát hiện chính gồm: (i) các chương trình, dự án có sự hỗ trợ tăng cường QSDR tương đối tốt hơn so với các cơ quan Nhà nước và các tổ chức XHDS; (ii) các chủ đề 5, 6, 7 đạt điểm số tương đối thấp ở cả 3 nhóm tổ chức.

Đánh giá chỉ ra rằng các cơ quan Nhà nước đã đạt những thành tích đáng kể về hỗ trợ và xây dựng quy trình tăng cường QSDR (> 2,0 điểm) thông qua xây dựng, chỉ đạo thực hiện hàng loạt cơ chế và chính sách về QSDR. Cụ thể là các cơ quan này đã hỗ trợ giao và đăng ký quyền/nghĩa vụ SDR cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, thiết kế các hoạt động liên quan đến tăng cường QSDR ở cấp

quốc gia và hỗ trợ quyền tiếp cận và sử dụng tài nguyên rừng cho các cộng đồng nhằm sử dụng bền vững và thương mại hóa các sản phẩm và dịch vụ từ rừng. Những chủ đề còn lại đạt điểm số tương đối thấp, đặc biệt là 4, 5, 6 và 7. Các cơ chế hiện tại hỗ trợ cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, đối với cả rừng sản xuất và rừng phòng hộ, bao gồm miễn giảm thuế, cơ chế chia sẻ lợi ích và đơn giản hoá thủ tục tiếp cận và sử dụng các QSDR. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, các cơ chế này chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp địa phương do chất lượng rừng tự nhiên đã được giao trước đây thấp và hạn chế về tài chính. Hơn nữa, sự hợp tác và phối hợp hiệu quả giữa các đơn vị, tổ chức thuộc các ngành, các cấp đối với hoạt động xây dựng, chỉ đạo thực hiện chính sách về QSDR còn hạn chế. Theo đó, việc chỉ đạo thực hiện cơ chế, chính sách không phải luôn đáp ứng được định hướng và mục tiêu đặt ra, đồng thời QSDR của nhóm người bị thiệt thòi trong một số trường hợp chưa được đảm bảo.

Cụ thể, **các cơ quan Nhà nước** có thể thúc đẩy nhiều hơn nữa các đối thoại giữa nhiều bên liên quan khác nhau và với các tổ chức cùng cấp. Điều này giúp giải quyết những điểm chưa thống nhất về QSDR giữa các ngành đồng thời tăng cường hiệu quả hợp tác, phối hợp giữa các tổ chức thuộc các ngành, các cấp trong thực hiện những hoạt động về QSDR. Họ cũng có thể xây dựng và chỉ đạo thực hiện các cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ tài chính cho những nơi chưa hoàn thành giao đất lâm nghiệp, đồng thời chỉ đạo, hỗ trợ tập huấn chính sách và thủ tục hành chính cho chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện để thực hiện giao đất, giao rừng, trong đó xác định rõ ranh giới, chất lượng rừng và cấp giấy chứng nhận QSDR và đất lâm nghiệp. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi một số diện tích rừng phòng hộ ít xung yếu sang rừng sản xuất và hỗ trợ tạo cơ sở

pháp lý cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng được xác định là cơ hội tốt để tạo ra lợi ích sinh kế và thu nhập tốt hơn.

Các chương trình, dự án được đánh giá có năng lực tốt hơn so với các cơ quan Nhà nước và các tổ chức XHDS. Họ đạt điểm tương đối cao (> 2,0) trong tất cả các lĩnh vực trừ tiêu chí về giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp (1,9). Các chương trình, dự án đạt điểm đặc biệt cao đối với tiêu chí 1, 2 và 8. Lý do chính là vì họ đang trực tiếp thực hiện việc hỗ trợ các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng. Các chương trình, dự án đóng vai trò quan trọng trong việc đưa các chính sách vào thực tiễn, hỗ trợ giao đất lâm nghiệp, hỗ trợ các cơ quan chính quyền địa phương và cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng bằng cách cung cấp nguồn lực tài chính và hỗ trợ kỹ thuật. Các chương trình, dự án hỗ trợ tăng cường hợp tác giữa cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong chia sẻ thông tin thị trường, các biện pháp kỹ thuật và xác định khách hàng tiềm năng. Họ đạt điểm tương đối thấp về tiêu chí giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp, chủ yếu là do những thách thức liên quan đến việc làm rõ quyền sở hữu các bon từ rừng và xây dựng kế hoạch thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tuy nhiên, mối quan ngại chung được đề cập là tính bền vững của chương trình, dự án và khả năng nhân rộng các biện pháp can thiệp ngoài khu vực mục tiêu, vì chúng chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài.

Các tổ chức XHDS thực hiện các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương trong việc nhận diện và thực hiện các quyền sử dụng/sở hữu rừng của họ. Các tổ chức được khảo sát đạt điểm cao (> 2,0) về các chủ đề 1 và 7. Ở đây họ đóng vai trò quan trọng trong tài liệu hóa những kinh nghiệm, viết và thực hiện các nghiên cứu điểm về tăng cường QSDR. Họ thiết lập các mô hình thử nghiệm hoặc trình diễn về cải thiện sinh kế,



đóng vai trò quan trọng trong vận động tăng cường QSDR cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng. Các tổ chức XHDS có sự hỗ trợ trực tiếp tương đối hạn chế trong việc nâng cao đời sống và thu nhập của các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng vì họ có nguồn lực giới hạn để phát triển và duy trì hoạt động của mình. Họ cũng đạt điểm thấp về các chủ đề 2, 5 và 6. Điều này chủ yếu là do họ thiếu nguồn lực và năng lực trong các lĩnh vực này. Theo đó, các tổ chức XHDS được đánh giá có phạm vi hạn chế trong thực hiện những biện pháp can thiệp trực tiếp nhằm cải thiện đời sống và thu nhập của các cộng đồng phụ thuộc vào rừng, những sự hỗ trợ hiện tại thường dừng lại ở mức các dự án thí điểm và trình diễn. Vai trò của họ tương đối hạn chế và tập trung ở mức nghiên cứu, nâng cao nhận

thức và phát triển năng lực, chứ chưa tập trung vào các biện pháp can thiệp trực tiếp nhằm tăng cường QSDR.

Chưa có một **hệ thống xây dựng năng lực** tổng thể, có sự tích hợp và phối hợp giữa ba nhóm tổ chức nhằm tăng cường năng lực cho chính quyền và cộng đồng địa phương về QSDR. Xây dựng năng lực nhằm tăng cường QSDR thường mang tính học thuật, chuyên sâu và chưa phù hợp với bối cảnh của địa phương. Mặc dù đã có các tài liệu đào tạo và những thành viên chủ chốt của các tổ chức đã được đào tạo về vấn đề QSDR, song đánh giá tiết lộ rằng nhu cầu về tăng cường năng lực của các tổ chức, chương trình, dự án là tương đối cao trong việc phổ biến thông tin về quyền và trách nhiệm SDR, về tăng cường kỹ năng của các cộng đồng và cơ quan quản lý nhà nước liên quan tại địa phương nhằm cải thiện sinh kế và tạo thu nhập cho các cộng đồng phụ thuộc vào rừng.

Những thách thức chủ yếu đối với **quản lý xung đột và khiếu nại** là sự thiếu năng lực ở cấp địa phương để xử lý các vấn đề khác nhau về phân định ranh giới, tranh chấp QSDR và đất lâm nghiệp, chia sẻ lợi ích, vai trò và trách nhiệm trong quản lý rừng. Thực tế cho thấy có sự thiếu hụt tài liệu và thông tin về quá trình quản lý xung đột và khiếu nại ở cấp cộng đồng. Sự giám sát và đánh giá các xung đột QSDR chưa được thực hiện một cách thích hợp bởi các cơ quan Nhà nước do đối mặt với sự thiếu hụt dữ liệu sẵn có được rút ra từ các nghiên cứu điển hình và sự hỗ trợ quản lý xung đột hạn chế do thiếu nguồn lực (chuyên môn và thông tin). Hơn nữa, trong những chương trình hỗ trợ trực tiếp cho các cộng đồng sống phụ thuộc vào rừng, chỉ có một chương trình xác định, phân tích và thực hiện các hoạt động hỗ trợ quản lý xung đột và khiếu nại. Đồng thời, các tổ chức XHDS thường thiếu nguồn nhân lực và tài chính để hỗ trợ giải quyết xung đột.

Vai trò và trách nhiệm của

khuvực tư nhân đã được quy định ở mức độ nhất định trong các văn bản quy phạm pháp luật, nhưng việc thực hiện, giám sát và đánh giá thực tiễn còn hạn chế. Vai trò và trách nhiệm của khu vực tư nhân được thể hiện trong những quy định về các biện pháp hỗ trợ tích tụ đất cho các doanh nghiệp, thúc đẩy hợp đồng thuê đất giữa các doanh nghiệp và chủ rừng, và các yêu cầu thuê lao động địa phương. Năng lực của các cơ quan Nhà nước trong việc giám sát và đánh giá vai trò và trách nhiệm của khu vực tư nhân được đánh giá là chưa



©FAO - Yurdi Yasmi

tốt trong khi các tổ chức XHDS tham gia chưa tích cực. Bên cạnh đó, khu vực tư nhân chưa tạo đầy đủ điều kiện để hình thành nhiều sự hợp tác hiệu quả và lâu dài với các chủ rừng. Theo đó, có một nhu cầu và cơ hội tương đối rõ cho thúc đẩy xây dựng các kỹ năng kinh doanh của chủ rừng và cách thức các chủ rừng phối hợp và tự tổ chức hoạt động sản xuất.

Biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp và mối quan hệ của nó với QSDR là một chủ đề tương đối mới. Nhận thức và năng lực về các vấn đề như làm rõ quyền sử dụng các bon từ rừng và lập kế hoạch thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu vẫn còn hạn chế đối với các cơ quan Nhà nước và các chương trình. Các chương trình, dự án và tổ chức XHDS mang lại những thông tin mới và thúc đẩy đối thoại về các chủ đề này là quan trọng, tuy nhiên điều rất quan trọng đó là quản lý những kỳ vọng đối với các thông tin này.

NHỮNG KHUYẾN NGHỊ CHÍNH

1. Nhìn chung, năng lực của các tổ chức về QSDR được đánh giá ở mức trung bình, năng lực của chủ thể và các bên liên quan cần được tăng cường. Cụ thể, các cơ quan Nhà nước và các tổ chức XHDS được đánh giá là tiềm năng nhất đối với tăng cường năng lực trong bối cảnh hiện tại. Các cơ chế quản lý xung đột và giải quyết khiếu nại, thúc đẩy vai trò và trách nhiệm của khu vực tư nhân, giải quyết các vấn đề biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp đòi hỏi có sự quan tâm đặc biệt trong quá trình tăng cường năng lực. Một điều rõ ràng là khi các tổ chức khác nhau có những thế mạnh riêng thì điều cần thiết là tăng cường các hoạt động và năng lực để các tổ chức làm việc cùng nhau theo một phương thức hợp tác chặt chẽ và hiệu quả hơn.
2. Một cách tiếp cận tích hợp và mang tính chiến lược nhằm tăng cường năng lực của các tổ chức là cần thiết. Điều này có thể đạt được thông qua: 1) cung cấp đủ nguồn lực gồm nhân lực và tài chính, 2) đảm bảo sự phối hợp và tính liên tục trong xây dựng các sản phẩm (tài liệu đào tạo, mô hình điểm) và dịch vụ phát triển năng lực (phương thức, thời gian và thời lượng đào tạo); 3) tích hợp phát triển năng lực như là yếu tố chính trong các hoạt động về QSDR của các cơ quan Nhà nước, chương trình/dự án và tổ chức XHDS. Những chủ đề ưu tiên đào tạo bao gồm xây dựng chính sách, QSDR, kỹ năng và kỹ thuật quản lý rừng, kỹ năng tiếp cận thị trường, lập kế hoạch thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý xung đột và khiếu nại, và sự tham gia của khu vực tư nhân.
3. Phát triển năng lực căn bản cho thấy sự cần thiết phải tăng cường quản lý thông tin nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho việc ra quyết định về rừng và đất lâm nghiệp, về sinh kế và thu nhập. Để thực hiện được điều này, cần thiết phải xây dựng và công khai thông tin kỹ thuật về QSDR (ví dụ về phân định ranh giới, cơ sở dữ liệu công khai về giao đất, giao rừng kết nối đến dữ liệu không gian). Đồng thời, cần thiết phải giám sát và đánh giá quản trị rừng.



©FAO - Kenichi Shono

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT. 2013.** Báo cáo đánh giá 10 năm thực hiện Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Hà Nội.
- Food and Agriculture Organization of the United Nations (FAO). 2012.** *Voluntary guidelines on the responsible governance of tenure of land, fisheries, and forests in the context of national food security.* Rome, FAO.
- Gilmour, D. 2016.** *Forty years of community forestry.* Rome, FAO.
- Larson, A. & Dahal, G.R. 2012.** Forest tenure reform: New resource rights for forest based communities? *Conservation and Society Journal*, 10(2): 77-90.
- Sikor, T., Gritten, D., Atkinson, J., Huy, B., Dahal, G.R., Duangsathaporn, K., Hurahura, F., Phanvilay, K., Maryudi, A., Pulhin, J., Ramirez, M.A., Win, S., Toh, S., Vaz, J., Sokchea, T., Marona, S. & Yaqiao, Z. 2013.** *Community forestry in Asia and the Pacific: Pathway to inclusive development.* Bangkok, RECOFTC.
- Yasmi, Y., Jeremy, B., Thomas, E. & Cole, G. 2010.** *Forestry policies, legislation and institutions in Asia and Pacific.* Bangkok, FAO RAP.

Để biết thêm thông tin xin liên hệ:

Yurdi Yasmi
Forest Policy Officer
FAO Regional Office for Asia and the Pacific
39 Phra Atit Rd., Bangkok, Thailand 10200
E-mail: Yurdi.Yasmi@fao.org



© FAO, 2016
I6256Vn/1/10.16